

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**





### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Sang

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)

Ông Phan Minh Sáng

Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)

Ông Phạm Văn Tuấn

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thành viên

Ông Bùi Xuân Trung

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)

Ông Lý Thanh Tùng

Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)

Ông Trương Tấn Lộc

Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)

Ông Trần Văn Thuộc

Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)

Ông Vũ Hồng Tuấn

Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Sáng

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/05/2014)

Ông Phạm Văn Tuấn

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)

Ông Đỗ Văn Thành

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lý Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phan Minh Sáng

Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2014







**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>97.974.697.184</b>	<b>68.708.707.907</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>5.006.528.325</b>	<b>8.822.859.683</b>
1. Tiền	111		5.006.528.325	8.822.859.683
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>38.287.595.232</b>	<b>19.803.243.361</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38.287.595.232	19.803.243.361
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.554.564.374</b>	<b>20.172.883.146</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	14.903.577.822	18.164.583.666
2. Trả trước cho người bán	132		1.854.050.000	7.223.961.042
3. Các khoản phải thu khác	135		366.478.192	353.880.078
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(5.569.541.640)	(5.569.541.640)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>41.695.561.972</b>	<b>16.239.158.259</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	41.695.561.972	16.239.158.259
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.430.447.281</b>	<b>3.670.563.458</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	54.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.379.563.458
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		1.329.415.981	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		101.031.300	237.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>135.271.442.493</b>	<b>136.354.539.414</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.855.428.117</b>	<b>50.998.525.038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.854.372.199	15.000.269.119
- Nguyên giá	222		42.337.283.847	42.337.283.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.482.911.648)	(27.337.014.728)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	18.788.718.549	18.788.718.549
- Nguyên giá	228		18.925.082.184	18.925.082.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.363.635)	(136.363.635)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	17.212.337.369	17.209.537.370
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>85.356.014.376</b>	<b>85.356.014.376</b>
1. Đầu tư và công ty con	251		83.310.359.376	83.310.359.376
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.045.655.000	2.045.655.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>60.000.000</b>	<b>-</b>
1. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>233.246.139.677</b>	<b>205.063.247.321</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>98.187.317.544</b>	<b>77.980.944.013</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.187.317.544</b>	<b>77.980.944.013</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	44.157.764.164	55.547.283.761
2. Phải trả người bán	312	14	35.524.321.392	18.605.714
3. Người mua trả tiền trước	313		513.241.579	4.022.836.487
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		190.311.684	640.550.339
5. Phải trả người lao động	315		2.552.637.373	2.283.193.293
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	12.638.439.598	12.658.266.264
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.610.601.754	2.810.208.155
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>135.058.822.133</b>	<b>127.082.303.308</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>135.058.822.133</b>	<b>127.082.303.308</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	83.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.666.797.196	2.389.610.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500	127.728.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.807.416.804)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		66.657.559.505	66.657.559.505
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.953.486.997	26.953.486.997
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	420		(45.475.900.065)	(48.367.814.890)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>233.246.139.677</b>	<b>205.063.247.321</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ USD

2. Ngoại tệ EUR

30/06/2014

01/01/2014

128.502,57

347.492,06

264,45

269,91



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Trần Tấn Long Thạch  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		76.990.734.261	301.888.191.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	585.714.286
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>76.990.734.261</b>	<b>301.302.477.333</b>
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	77.851.481.294	299.811.419.969
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(860.747.033)</b>	<b>1.491.057.364</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	10.527.331.146	11.176.092.769
7. Chi phí tài chính	22	21	1.482.377.741	8.186.308.242
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		1.432.577.090	7.388.755.628
8. Chi phí bán hàng	24		2.323.873.372	5.468.691.549
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.257.657.280	3.685.835.135
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>2.602.675.720</b>	<b>(4.673.684.793)</b>
11. Thu nhập khác	31		289.331.305	56.896.611.791
12. Chi phí khác	32		92.200	45.273.555.434
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>22</b>	<b>289.239.105</b>	<b>11.623.056.357</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.891.914.825</b>	<b>6.949.371.564</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>2.891.914.825</b>	<b>6.949.371.564</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		360	867



Phan Minh Sáng  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Trần Tấn Long Thạch  
 Kế toán trưởng

Trần Tấn Long Thạch  
 Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MÃ SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	2.891.914.825
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.145.896.920
- Chi phí lãi vay	6	1.432.577.090
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	5.470.388.835
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	10.668.466.249
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(25.456.403.713)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	31.795.499.529
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	54.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.432.577.090)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(60.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(63.637.701)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>20.975.736.109</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.799.999)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.484.351.871)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.084.604.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.402.547.870)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	63.792.189.960
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(75.181.709.557)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.389.519.597)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.816.331.358)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.822.859.683</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.006.528.325</b>



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Trần Tấn Long Thạch  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 7 ngày 10/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 07 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000 đồng, tương đương 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Ngọc Bích	1.700.010	17.000.100.000	20,45%
Trương Tấn Lộc	562.980	5.629.800.000	6,77%
Bàng Minh Trang	461.050	4.610.500.000	5,55%
Cổ đông khác	5.588.875	55.888.750.000	67,23%
<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 37 người (tại ngày 31/12/2013 là 41 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chế biến và bảo quản rau quả.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Công ty con
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Miền Tây	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	157.171.285	63.815.591
Tiền gửi ngân hàng	4.849.357.040	8.759.044.092
<b>Cộng</b>	<b>5.006.528.325</b>	<b>8.822.859.683</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Nông dược TSC vay	38.287.595.232	19.803.243.361
<b>Cộng</b>	<b>38.287.595.232</b>	<b>19.803.243.361</b>

Khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền mà Công ty cho Công ty Cổ phần Nông dược TSC vay với lãi suất là 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua phân bón	6.394.054.981	6.751.056.544
Phải thu khách hàng mua gạo	7.870.225.601	10.840.229.476
Phải thu khách hàng thuê tài sản	66.000.000	406
Phải thu Cty CP Nông Dược TSC	573.297.240	573.297.240
<b>Cộng</b>	<b>14.903.577.822</b>	<b>18.164.583.666</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hóa	41.695.561.972	16.239.158.259
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.695.561.972</b>	<b>16.239.158.259</b>

Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phân bón	-	5.960.760.987
Gạo	41.695.561.972	10.278.397.272
<b>Cộng</b>	<b>41.695.561.972</b>	<b>16.239.158.259</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	30.051.892.117	6.189.699.664	6.095.692.066	42.337.283.847
Mua trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	30.051.892.117	6.189.699.664	6.095.692.066	42.337.283.847
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	17.216.613.692	5.662.564.029	4.457.837.007	27.337.014.728
Khấu hao trong năm	791.717.890	102.728.932	251.450.098	1.145.896.920
Tại ngày 30/06/2014	18.008.331.582	5.765.292.961	4.709.287.105	28.482.911.648
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	12.835.278.425	527.135.635	1.637.855.059	15.000.269.119
Tại ngày 30/06/2014	12.043.560.535	424.406.703	1.386.404.961	13.854.372.199

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định để thế chấp cho các khoản vay với giá trị là 10.207.228.368 đồng. Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 11.386.819.288 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 11.314.092.015 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Bản quyền nhãn</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	18.788.718.549	136.363.635	18.925.082.184
Mua sắm trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	<u>18.788.718.549</u>	<u>136.363.635</u>	<u>18.925.082.184</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
<b>LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	-	136.363.635	136.363.635
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	-	<u>136.363.635</u>	<u>136.363.635</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/06/2014	<u>18.788.718.549</u>	-	<u>18.788.718.549</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>18.788.718.549</u>	-	<u>18.788.718.549</u>

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	16.326.057.369	16.326.057.370
Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	550.780.000	550.780.000
Chi phí khảo nghiệm, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	310.700.000	310.700.000
Lệ phí đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	24.800.000	22.000.000
	<u>17.212.337.369</u>	<u>17.209.537.370</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	31.735.359.376	31.735.359.376
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	51.575.000.000	51.575.000.000
<b>Cộng</b>	<u>83.310.359.376</u>	<u>83.310.359.376</u>

Theo báo cáo tài chính của các công ty con cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây có lãi và Công ty Cổ phần Nông dược TSC có phát sinh lỗ trong kỳ theo kế hoạch. Vì thế, Công ty không xem xét lập dự phòng các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có đầu tư vào hai công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Thành phố Cần Thơ	95,45%	95,45%	Chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Tỉnh Long An	57,31%	57,31%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
Cộng	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Cần Thơ	39.850.000.000	43.429.692.505
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	4.307.764.164	2.280.008.891
Khác	-	9.837.582.365
	<b>44.157.764.164</b>	<b>55.547.283.761</b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này có thời hạn 04 tháng chịu lãi suất 7%/năm.

Khoản vay Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây chịu lãi suất 07%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Hợp tác xã Thanh Phong (*)	35.450.222.099	-
Các đối tượng khác	74.099.293	18.605.714
	<b>35.524.321.392</b>	<b>18.605.714</b>

(\*) Phải trả Hợp tác xã Thanh Phong là khoản phải trả cho giá trị gạo mà Công ty mua từ hợp tác xã này để kinh doanh.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Bộ thương mại	85.000.000	85.000.000
Cổ tức phải trả	12.469.372.500	12.573.266.264
Trích kinh phí công đoàn	10.973.130	-
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	45.300.743	-
Các khoản khác	27.793.225	-
	<b>12.638.439.598</b>	<b>12.658.266.264</b>

Cổ tức phải trả phản ánh số cổ tức được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 mà Công ty chưa thanh toán cho Cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	66.657.559.505	26.953.486.997	(55.312.955.368)	120.137.162.830
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.985.140.478	6.985.140.478
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	66.657.559.505	26.953.486.997	(48.367.814.890)	127.082.303.308
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.277.187.196	-	3.807.416.804	-	-	2.891.914.825	2.891.914.825
Bán cổ phiếu quỹ	-	3.666.797.196	127.728.500	-	-	-	-	5.084.604.000
Số dư tại 30/06/2014	83.129.150.000	3.666.797.196	127.728.500	-	66.657.559.505	26.953.486.997	(45.475.900.065)	135.058.822.133

Đơn vị: VND

Trong kỳ, Công ty đã bán 300.000 cổ phiếu quỹ với giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 đồng, chi phí chuyển nhượng là 15.396.000 đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD sửa đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 07 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000 đồng. Tại ngày 30/06/2014, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỉ lệ
1	Bàng Minh Trang	461.050	4.610.500.000	5,55%
2	Nguyễn Ngọc Bích	1.700.010	17.000.100.000	20,45%
3	Trương Tấn Lộc	562.980	5.629.800.000	6,77%
4	Cổ đông khác	5.588.875	55.888.750.000	67,23%
	<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

<b>17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Doanh thu bán phân bón	2.669.990.476	216.269.288.998
Doanh thu bán gạo	71.449.442.401	82.740.871.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.871.301.384	2.292.317.175
	<b>76.990.734.261</b>	<b>301.302.477.333</b>
<b>18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Bán phân bón	5.960.760.991	219.614.469.246
Bán gạo	71.577.465.782	79.403.831.969
Cung cấp dịch vụ	313.254.521	793.118.754
	<b>77.851.481.294</b>	<b>299.811.419.969</b>
<b>19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.353.729	40.108.724
Chi phí nhân công	2.849.433.709	3.365.674.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	832.642.399	1.471.817.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.177.617.143	4.721.746.840
Chi phí khác	632.483.672	522.110.104
	<b>5.581.530.652</b>	<b>10.121.457.539</b>
<b>20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Lãi tiền gửi	1.105.409.780	1.088.612.539
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.191.608	127.704.233
Lãi chậm thanh toán	270.890.340	1.321.276.000
Cổ tức	9.096.839.418	8.638.499.997
	<b>10.527.331.146</b>	<b>11.176.092.769</b>
<b>21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Lãi vay	1.432.577.090	7.388.755.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.800.651	797.552.614
	<b>1.482.377.741</b>	<b>8.186.308.242</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Nhượng bán TSCĐ	-	56.500.000.000
Thu nhập khác	289.331.305	396.611.791
<b>Tổng thu nhập khác</b>	<b>289.331.305</b>	<b>56.896.611.791</b>
Chi nhượng bán TSCĐ	-	44.984.224.127
Chi phí truy thu thuế và vi phạm HC	-	289.331.307
Chi khác	92.200	-
<b>Tổng chi phí khác</b>	<b>92.200</b>	<b>45.273.555.434</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>289.239.105</b>	<b>11.623.056.357</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.891.914.825	6.949.371.564
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chuyển lỗ	2.891.914.825	6.949.371.564
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Công ty có số lỗ phát sinh từ năm 2012 được chuyển sang lợi nhuận các kỳ sau với số tiền là 45.475.900.065 đồng. Số lỗ này được chuyển toàn bộ và liên tục vào lợi nhuận tính thuế của các kỳ từ năm 2013 đến hết năm 2017.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	44.157.764.164	55.547.283.761
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.006.528.325	8.822.859.683
Nợ thuần	39.151.235.839	46.724.424.078
Vốn chủ sở hữu	135.058.822.133	127.082.303.308
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,29</b>	<b>0,37</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.006.528.325	8.822.859.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.700.514.374	12.948.922.104
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	60.000.000	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.812.697.699</b>	<b>23.877.436.787</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	44.157.764.164	55.547.283.761
Phải trả người bán và phải trả khác	35.524.321.392	18.605.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.682.085.556</b>	<b>55.565.889.475</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.006.528.325	-	-	5.006.528.325
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.700.514.374	-	-	9.700.514.374
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	-	-	60.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.707.042.699</b>	<b>-</b>	<b>2.105.655.000</b>	<b>16.752.697.699</b>
Các khoản vay	44.157.764.164	-	-	44.157.764.164
Phải trả người bán và phải trả khác	35.524.321.392	-	-	35.524.321.392
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.682.085.556</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.682.085.556</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(64.975.042.857)</b>	<b>-</b>	<b>2.105.655.000</b>	<b>(62.929.387.857)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.822.859.683	-	-	8.822.859.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.948.922.104	-	-	12.948.922.104
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	-	-	60.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.771.781.787</b>	<b>-</b>	<b>2.105.655.000</b>	<b>23.817.436.787</b>
Các khoản vay	55.547.283.761	-	-	55.547.283.761
Phải trả người bán và phải trả khác	18.605.714	-	-	18.605.714
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.565.889.475</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>55.565.889.475</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(33.794.107.688)</b>	<b>-</b>	<b>2.105.655.000</b>	<b>(31.748.452.688)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

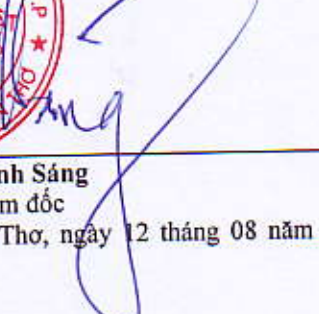
Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng. Ngoài sự kiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ nói trên, Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.

Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập theo phương pháp trực tiếp nên không so sánh được với số liệu kỳ này được lập theo phương pháp gián tiếp.



  
Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm  
2014

  
Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

  
Trần Tấn Long Thạch  
Người lập biểu